

theo luật pháp sẽ được đứng với Đức Chúa Trời giống như người Do Thái.

27 Không chỉ vậy, người vốn không chịu phép cắt bì (Dân Ngoại) mà vẫn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ cáo trách người Do Thái được cắt bì nhưng không tuân thủ luật pháp.

28-29 Vì vậy, chỉ có bề ngoài là người Do Thái thì chẳng ích lợi gì; điều đó không có ý nghĩa gì cả. Một người chỉ được xem là người Do Thái thật khi người ấy là người Do Thái từ trong tấm lòng.

Cũng vậy, phép cắt bì thật không chỉ

là việc làm trên cơ thể hay bề ngoài; đúng hơn, phép cắt bì thật là cắt bì trong lòng, bởi Đức Thánh Linh (c.29). Phép cắt bì thật là cắt bỏ tội lỗi và sự gian ác trong tấm lòng chúng ta.¹⁵

Giống như người nào chỉ bề ngoài là người Giu-đa, thì không phải là người Giu-đa (c.28), người chỉ có bề ngoài là Cơ Đốc nhân cũng không phải là Cơ Đốc nhân. Người Do Thái tìm kiếm sự khen ngợi nơi loài người, là loài chỉ thấy bề ngoài (Mat 23:5-7). Tốt hơn nên tìm kiếm sự khen ngợi nơi Đức Chúa Trời, là Đấng thấy mọi sự. Đó mới là lời khen ngợi có giá trị!

CHƯƠNG 3

Sự Thành Tín Của Đức Chúa Trời (3:1-8)

1-2 Ở Rô-ma chương 2, Phao-lô đã nói về tội lỗi và sự không công chính của dân Do Thái. Giờ đây, từ câu 1-8 của chương 3, Phao-lô đứng về phía họ. Ông muốn nói đến hai phương diện – cả những điều xấu lẫn những điều tốt của người Do Thái. Tại đây, Phao-lô đóng vai trò luật sư bào chữa cho họ trước tòa. Phương pháp của ông, giống như ở chương 2, là đặt ra những câu hỏi tu từ.

Câu hỏi đầu tiên của Phao-lô: Nếu cả người Do Thái và người Ngoại Bang

đều sẽ bị phán xét bằng cùng một tiêu chuẩn thì làm người Do Thái có ích lợi gì không? Phao-lô trả lời: Có. Thuận lợi đó là: Người Do Thái được nhận lời phán của Đức Chúa Trời, tức là Kinh Thánh Cựu Ước. Trên đời này, họ là những chứng nhân, những người phát ngôn của Đức Chúa Trời.

3 Ở chương 2, Phao-lô cho thấy nhiều người Do Thái không trung tín với Đức Chúa Trời. Điều đó có phải có nghĩa là chính Đức Chúa Trời cũng không thành tín chẳng? Chắc chắn là không! Dù một số người Do Thái bất trung nhưng Đức Chúa Trời vẫn thành

¹⁵ Một số người nhìn nhận lễ báp-têm giống như cách người Do Thái nhìn nhận về phép cắt bì; họ lầm tưởng rằng việc chịu báp-têm sẽ khiến họ trở thành Cơ Đốc nhân. Tuy nhiên, phép báp-têm chẳng có giá trị gì nếu không kết hợp với đức tin thật từ bên trong (xem Bài Tổng Quát: Báp-têm Bằng Nước).

tin với họ. Ngài vẫn yêu họ như tuyển dân của Ngài.

Người Do Thái bắt trung ra sao? Một trong những sự bắt trung chính của người Do Thái với Đức Chúa Trời là không tin những lời hứa và lời tiên tri được chép trong Cựu Ước về việc Đức Chúa Jêsus Christ đến thế gian. Thậm chí sau khi Đấng Christ đến, họ vẫn khước từ Ngài. Tuy nhiên, không phải vì người Do Thái không tin vào những lời hứa về Đấng Christ mà những lời ấy thành ra vô dụng. Vì một người mù không thấy được ánh sáng không có nghĩa là ánh sáng ấy không tỏa soi!

4 Dù tất cả người Do Thái đều là một kẻ nói dối nhưng Đức Chúa Trời vẫn chân thật và lời Ngài cũng vậy. Ngài sẽ được xưng công bình trong lời phán của Ngài, và sẽ được thắng khi đoán xét (Thi 51:4).

Khi tội lỗi của loài người bị phơi bày, ngược lại sự công chính của Đức Chúa Trời lại được bày tỏ rõ ràng hơn trước mắt mọi người. Giống như ngọn nến dường như sáng hơn trong bóng tối, sự công chính của Đức Chúa Trời cũng xuất hiện sáng chói hơn trong bóng tối của sự không công chính của loài người.

5 Nếu sự không công chính của loài người tỏ ra sự công chính của Đức Chúa Trời, thì Ngài có nên phiền lòng vì sự không công chính của loài người không? Có người sẽ nói (cách sai lầm) rằng Đức Chúa Trời được vinh hiển nhờ sự không công chính của loài người và do đó việc Ngài hình phạt loài người vì điều đó là không công chính hay bất công. Phao-lô nói: **Chẳng hề như vậy!** (c. 6).

6 Dù sự công chính của Đức Chúa Trời hiển hiện rõ ràng hơn khi tương

phản với tội lỗi của con người nhưng Ngài vẫn ghét tội lỗi và chắc chắn sẽ hình phạt tội lỗi ấy. Và sự phán xét của Ngài sẽ hoàn toàn công bằng.

7 Câu hỏi Phao-lô đặt ra ở đây tương tự với câu hỏi trong câu 5. Nếu **lẽ thật** (sự sáng) của Đức Chúa Trời chói sáng hơn khi đối lập với sự nói dối (tối tăm) của con người, vì sao Đức Chúa Trời lại lên án sự dối trá của chúng ta? Vì như ánh sáng đẩy lùi và "lên án" bóng tối thì lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ lên án sự giả dối của chúng ta.

8 Trong thời Phao-lô, thực sự có một số người nói rằng: "Phạm tội chẳng sao cả, vì nhờ chúng ta phạm tội mà mọi người thấy Đức Chúa Trời thánh khiết và công chính hơn." Ý tưởng như thế là hoàn toàn sai lầm. Phao-lô nói về những kẻ đó: **Sự đoán phạt những người đó là công bình.**

Một số người chưa tin Chúa cũng vu khống Cơ Đốc nhân, họ nói rằng Cơ Đốc nhân cũng nói như vậy: Tức là cứ phạm tội đi vì nhờ đó mà Đức Chúa Trời có vẻ công chính hơn. Chẳng hạn, người ta vu cáo các Cơ Đốc nhân nói: "Chúng ta càng phạm tội, lòng thương xót của Đức Chúa Trời càng lớn; vì vậy, cứ phạm tội nhiều vào để lòng thương xót của Đức Chúa Trời càng lớn hơn nữa." Hay: "Vì chúng ta được cứu bởi đức tin chứ không phải bởi việc làm nên chẳng cần phải làm điều lành nữa. Dù chúng ta có phạm tội đến đâu đi nữa, Đức Chúa Trời vẫn sẽ tha thứ và cứu chúng ta." Dĩ nhiên, tất cả những lời vu cáo này đều là giả dối. Cơ Đốc nhân không tin những điều này.

Không Có Ai công Chính (3:9-20)

9 Tại đây, Phao-lô lặp lại điều ông

đã nói từ trước rằng người Do Thái không có gì tốt hơn dân Ngoại Bang. **Chúng ta (người Do Thái) có điều gì hơn chẳng?** Phao-lô hỏi, rồi ông trả lời: **Chẳng có!** Tất cả mọi người vốn tội lỗi như nhau. Người Giu-đa và người Gờ-réc thấy đều phục dưới quyền tội lỗi.. **Chẳng có một người công chính nào hết, dẫu một người cũng không** (c.10).

10-12 Trong phần tiếp theo này, Phao-lô trích dẫn nhiều phân đoạn trong Cựu Ước. Từ câu 10-12, Phao-lô trích Thi Thiên 14:1-3; 53:1-3; Truyền Đạo 7:20.

Các phần trích này đều chứa đựng những lời nghiêm khắc. Sao Đức Chúa Trời có thể nói về nhân loại cách nghiêm trọng và khắc nghiệt đến vậy? Bản thân loài người thấy họ chẳng đến nỗi nào!

Tuy nhiên, những lời ấy đều đúng. Từ những câu này, chúng ta có thể khám phá cách nhìn của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Từ ban đầu khi dựng nên loài người, Ngài thấy tạo vật của Ngài thật rất tốt lành (Sáng 1:31). Nhưng rồi người nam và người nữ đầu tiên là A-đam và Ê-va – cha và mẹ của cả loài người – đã phạm tội trọng (Sáng 3:1-6). Sau đó, lòng người trở nên gian ác (Giê 17:9). Và từ đó trở đi, Đức Chúa Trời không vui về nhân loại nữa.

Khi nhìn những người xung quanh, chúng ta thấy nhiều người có vẻ đứng đắn, đoan trang. Trông họ chẳng có vẻ gì là không công chính. Vậy thì hết

thầy nhân loại vốn không công chính ở chỗ nào?

Tất cả mọi người đều không công chính vì về bản chất tất cả đều ích kỷ, hay tự xem mình là trung tâm. Con người vốn yêu mình hơn yêu Chúa. Từ nhỏ đến lớn, con người đặt bản thân lên trên hết và tìm lợi cho riêng mình. Có thể bề ngoài họ rất tốt nhưng lòng họ chẳng quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời. Việc con người đặt ý muốn mình lên trên ý chỉ của Đức Chúa Trời, đối với Chúa là tội lỗi cơ bản và nghiêm trọng nhất của con người¹⁶ (xem Rô 6:12 và lời bình giải).

Để đến với Đức Chúa Trời, bước đầu tiên một người phải thực hiện là nhận biết tội lỗi cơ bản nhất của mình. Nếu không nhận biết tình trạng tội lỗi của mình, người ấy sẽ thấy việc đến với Đức Chúa Trời và xin Ngài tha thứ là điều chẳng cần thiết. Và nếu không cầu xin sự tha thứ, làm sao người ấy được cứu? Đó là lý do, trong câu 11, Đức Chúa Trời phán rằng **chẳng có một người nào hiểu biết. Chẳng có người nào hiểu biết rằng hết thầy mọi người đều là tội nhân. Vì thế mà chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời để cầu xin Ngài tha thứ.**

Chúng ta hãy học cách nhìn lại mình theo cách Đức Chúa Trời nhìn chúng ta. Nếu không, chúng ta sẽ bị lừa dối mà nghĩ rằng mình tốt trong khi thực ra không phải vậy. Một con kiến có thể tưởng tượng nó là con voi, nhưng nó vẫn mãi là con kiến! Con người cũng

¹⁶ Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng bên dưới tội lỗi cơ bản của sự ích kỷ là nguồn gốc của mọi tội lỗi: Sự vô tín (xem Rô 1:18 và lời bình giải). Người không tin Đức Chúa Trời luôn đặt mình vào vị trí của Ngài. Thay vì đặt Chúa làm trung tâm, người ấy xem mình là trung tâm. Thay vì làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, người ấy làm theo ý riêng. Do đó, sự vô tín chắc chắn dẫn đến tội ích kỷ, là thứ dẫn đến tất cả mọi tội khác.

vậy, chúng ta luôn tưởng mình tốt đẹp hơn con người thật của mình. Lòng chúng ta vốn là giả dối (Giê 17:9). Một trong những mưu chước chính của Satan là lừa dối chúng ta, làm chúng ta không thấy tội lỗi và sự gian ác của mình.

13 Câu nói "**Họng chúng nó là huyết mả mở ra**" có nghĩa là mọi người nói những lời đáng phạt tội chết (Thi 5:9).

Thành ngữ **ọc độc rắn hổ** có nghĩa là vu khống và kiện cáo (Thi 140:3).

14 Tại đây Phao-lô trích Thi Thiên 10:7. Trong câu 13-14, chúng ta thấy sự trầm trọng của những tội lỗi của cái lưỡi trong bức tranh tổng thể về sự gian ác của loài người (xem Gia 3:3-8).

15-17 Những câu này được trích trong sách Ê-sai 59:7-8. **Con đường bình an** (c.17) là **con đường làm hòa** với Đức Chúa Trời. Con đường đó là ăn năn tội lỗi và quay lại vâng phục Đức Chúa Trời.

18 Tại đây Phao-lô trích trong Thi Thiên 36:1. Tác giả Thi Thiên nói rằng con người **chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời**. Vì sao con người phải kính sợ Đức Chúa Trời? Vì Ngài ghét tội lỗi, và trong ngày phán xét Ngài sẽ đoán phạt họ vì tội lỗi họ. Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự tri thức (Châm 1:7). Người khôn ngoan nhận biết tội lỗi mình và kính sợ Đức Chúa Trời.

19 Dĩ nhiên, người Do Thái rất quen thuộc với những phân đoạn Cựu Ước Phao-lô trích dẫn trong câu 10-18. Nhưng họ nghĩ rằng những câu Kinh Thánh ấy chỉ áp dụng cho Dân Ngoại Bang, không phải cho bản thân họ! Tại đây, Phao-lô cho người Do Thái biết

rằng những câu này cũng áp dụng cho họ nữa. **Những điều mà luật pháp** (tức là Cựu Ước) nói, là **nói cho mọi kẻ ở dưới luật pháp** (nghĩa là người Do Thái). Vậy khi **luật pháp** nói "**chẳng có một người công bình nào hết**" (c.10), điều này bao gồm cả người Do Thái. Vì vậy, **miệng nào cũng phải ngậm lại**. Không ai nói được điều gì để tự bảo vệ mình; sẽ không có lý do nào để biện hộ. Vào ngày phán xét, mọi người sẽ đứng im lặng trước Đức Chúa Trời.

20 Người Do Thái tưởng rằng nhờ tuân thủ luật pháp, họ sẽ được kể là công chính. Nhưng ở đây Phao-lô nói rằng **chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà được xưng công bình**. Lý do rất đơn giản: Không ai có thể tuân thủ luật pháp trọn vẹn đến từng chi tiết, mọi lúc mọi nơi. Chỉ khi tuân thủ luật pháp cách trọn vẹn thì một người mới được xưng công chính (xem Ga 3:11; Gia 2:10 và lời bình giải).

Thay vì xưng công chính cho chúng ta, luật pháp lại phán chúng ta có tội – người Do Thái hay người Ngoại Bang đều như nhau. Nhưng luật pháp làm một điều quan trọng cho chúng ta: Luật ấy khiến chúng ta nhận thức tội lỗi của mình. Luật ấy giúp chúng ta nhận thức mình còn bao xa mới đạt đến tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, và chúng ta đã xa cách Ngài đến mức nào. Đối với mọi người, sự nhận thức này là bước đầu tiên để quay trở về cùng Đức Chúa Trời.

Sự Công Chính Bởi Đức Tin (3:21-31)

21 Tại đây Phao-lô lặp lại điều ông viết trong thư Rô-ma 1:17, đó là, một

sự công chính mới đã được bày tỏ ra, sự công chính mà chúng ta có thể nhận được bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ (c.22).

Sự công chính này ở ngoài luật pháp. Nghĩa là không dựa trên luật pháp Do Thái mà tách biệt khỏi luật pháp. Trong câu 20, Phao-lô đã cho thấy không thể có chuyện được xưng công chính nhờ tuân thủ luật pháp. Do đó cần phải có một phương cách khác; và phương cách đó là bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ (c.22). Vậy, sự công chính mới này là sự công chính của Đấng Christ, chúng ta nhận được nhờ tin nơi Ngài. Tại đây Phao-lô nói rằng Luật Pháp và các Đấng Tiên Tri¹⁷ (Cựu Ước) đều làm chứng cho sự công chính mới này. Đây không phải là sự dạy dỗ mới do Phao-lô sáng chế ra mà được lấy từ Kinh Thánh của người Do Thái. Cựu Ước nói về việc Đấng Christ đến thế gian, đồng thời cũng nói về một thời đại mới khi luật pháp – ban đầu được khắc trên hai bảng đá – được ghi vào lòng người (Giê 31:31-33). Khi luật pháp được ghi vào lòng người bởi đức tin thì con người sẽ được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời.

22 Trước khi có thể được cứu, chúng ta phải được Đức Chúa Trời kể là công chính (xem Rô 1:17). Không một người không công chính nào được Đức Chúa Trời chấp nhận hay được phép vào nước Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta có thể nói sự công chính mới này là sự công chính đem lại sự cứu rỗi. Và

để nhận được sự công chính ấy, tất cả những gì chúng ta cần làm là tin nhận Chúa Jêsus; chỉ vậy thôi. Và sự công chính này dành cho tất cả mọi người, không chỉ riêng người Do Thái. Phao-lô nói chẳng có sự khác biệt nào giữa người Do Thái và người Ngoại Bang; họ đều có thể nhận sự công chính này.

23 Ở câu này Phao-lô nhắc lại lẽ thật đã chép trong các câu 10-12. Tất cả mọi người đều không công chính. Tất cả mọi người đều không vâng lời Đức Chúa Trời trong những chuyện lớn, nhỏ. Vì vậy, tất cả mọi người đều cần sự công chính mới này.

Mọi người đều thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chúng ta thấy đều được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng 1:27). Vì vậy, tất cả chúng ta phải phản chiếu vinh quang của Ngài. Nhưng bởi không công chính nên chúng ta không phản chiếu vinh quang ấy. Chúng ta giống như một chiếc gương bị mờ. Chỉ có một người từng phản chiếu trọn vẹn vinh quang của Đức Chúa Trời – người đó là Chúa Cứu Thế Jêsus (xem Gi 1:14 và lời bình giải).

24 Trong câu Kinh Thánh hết sức quan trọng này, Phao-lô cho chúng ta biết bản chất Phúc Âm của Đấng Christ. Con người được xưng công bình cách nhưng không, nhờ ân điển [của Đức Chúa Trời]; điều này có nghĩa là nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, con người được cứu rỗi mà không phải trả một giá nào (xem Êph 2:8 và lời bình

¹⁷ Thánh thoảng Phao-lô dùng từ Luật Pháp để nói đến Cựu Ước, như trong câu 19, nhưng ông thường dùng cụm từ Luật Pháp và các Đấng Tiên Tri hơn. Năm sách đầu tiên của Cựu Ước được biết đến như Luật Pháp. Đa số những phần còn lại của Cựu Ước bao gồm những ghi chép của các tiên tri như Ê-sai, Giê-rê-mi và nhiều người khác; vì vậy phần này của Cựu Ước được gọi là Các Tiên Tri.

giải). Đầu tiên, con người không có hy vọng, không mong được công chính, càng không mong được cứu rỗi.¹⁸ Nhưng bây giờ, nhờ tình yêu và sự thương xót rất lớn của Ngài, Đức Chúa Trời đã ban một phương tiện để nhờ đó con người có thể được cứu, đó là: Đức tin nơi Đức Chúa Jê-sus Christ.

Sự cứu rỗi được ban cho chúng ta **cách nhưng không**. Để được cứu, chúng ta không phải làm tất cả mọi việc lành; chúng ta không phải tìm cách để được cứu rỗi. Chúa Jê-sus đã “kiếm” sự cứu rỗi cho chúng ta; Ngài đã trả giá cho sự cứu rỗi của chúng ta. Cái giá ấy là chính mạng sống của Ngài.

Tại đây Phao-lô nói rằng chúng ta được xưng công chính... bởi Sự **CHUỘC TỘI** đã làm trọn trong Đức Chúa Jê-sus Christ. Xưng công chính là một phần trong sự cứu rỗi của chúng ta. Được cứu nghĩa là chúng ta cũng được xưng công chính. Được xưng công chính và được cứu rỗi luôn đi chung với nhau; bạn không thể có cái này mà thiếu cái kia.

Cả việc được xưng công chính lẫn sự cứu rỗi đều là tặng phẩm miễn phí của Đức Chúa Trời và cả hai đều đến bởi đức tin nơi Chúa Cứu Thế Jê-sus. Được xưng công chính là giai đoạn đầu của việc được cứu; nó mở lối cho chúng ta tiếp nhận mọi phước hạnh của sự cứu rỗi (xem Bài Tổng Quát: Con Đường Cứu Rỗi).

25 Đấng Christ cứu chúng ta bằng

cách nào? Phao-lô giải đáp thắc mắc ấy trong câu này. Đức Chúa Trời đã lập Ngài (Đấng Christ) làm **của lễ CHUỘC TỘI**, như một giải pháp xoa dịu. **Của lễ chuộc tội** là hành động một người gánh thay hình phạt vì có tội lỗi chúng ta. Khi có một người khác chịu phạt thay cho tội lỗi của chúng ta thì những tội lỗi ấy không còn chất trên chúng ta nữa; chúng ta được Đức Chúa Trời kể là công chính. Do đó, chúng ta có thể nói rằng Chúa Jê-sus là giải pháp chuộc tội, hoặc **của lễ chuộc tội** của chúng ta. Ngài gánh tội lỗi của loài người trên thân Ngài và chịu hình phạt thế cho họ. Nợ tội của chúng ta đã “được trả” xong; Đức Chúa Trời sẽ không xét hỏi chúng ta về những tội lỗi ấy nữa.

Đức Chúa Trời áp dụng mức hình phạt nào cho tội lỗi? Đó là sự chết (Rô 6:23). Vậy, vì Đấng Christ chịu hình thế cho chúng ta, Ngài phải đổ **huyết** ra; tức là Ngài phải chịu chết. Do đó, **bởi đức tin trong huyết** (hay sự chết) Ngài mà Đấng Christ trở thành giải pháp chuộc tội của cá nhân chúng ta. Chúng ta phải tin rằng Đấng Christ đã chết để cất bỏ mọi tội chúng ta; nếu không thì sự chết của Ngài - **của lễ chuộc tội** - sẽ chẳng đem lại ích lợi gì cho chúng ta (xem Mác 10:45; 1Gi 2:2 và các lời bình giải).

Từ đây chúng ta có thể thấy hai điều về Đức Chúa Trời: Thứ nhất, **sự công chính** của Ngài; và thứ hai, tình yêu thương của Ngài. Vì Đức Chúa Trời công chính, Ngài phải trừng phạt tội lỗi.

¹⁸ Theo Hê-bơ-rơ 11:39-40, những người nam và nữ tin kính Chúa sống vào thời trước khi Đấng Christ đến thế gian sẽ đạt đến sự trọn vẹn chung với chúng ta là những người tin nhận Đấng Christ. Vậy, dường như Đức Chúa Trời tôn trọng đức tin của họ và cứu họ. Tuy nhiên, những người Do Thái thời Cựu Ước không có niềm hy vọng chắc chắn về sự cứu rỗi, là điều Cơ Đốc nhân được bảo đảm.

Để bày tỏ sự công bình của Ngài, Đức Chúa Trời đã hình phạt Đấng Christ vì tội lỗi chúng ta. Nhưng vì yêu chúng ta mà Ngài đã hình phạt Đấng Christ thay vì hình phạt chúng ta. Thật ra, khi hình phạt Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã tự hình phạt chính Ngài. Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài (Gi 3:16).

Để nhận được những lợi ích từ sự hy sinh của Đấng Christ – Đấng chịu chết thế cho chúng ta, chúng ta chỉ phải làm một điều là tin Ngài cũng như tin điều Ngài đã làm cho chúng ta. Bởi đức tin nơi Đấng Christ và nơi sự chết (huyết) của Ngài, chúng ta được xưng công chính và sẽ thoát khỏi sự đoán phạt trong ngày phán xét.

Trong câu còn một cụm từ dùng để giải nghĩa: **trong buổi Ngài nhậm nhục, Ngài (Đức Chúa Trời) đã bỏ qua các tội phạm trước kia.** Hàng trăm năm qua Đức Chúa Trời đã bày tỏ lòng nhậm nhục (kiên nhẫn) rất lớn đối với dân Do Thái. Ngài trì hoãn việc trừng phạt tội lỗi của họ. Ngài muốn cho họ cơ hội để ăn năn và đặt niềm tin nơi Chúa Jêsus. Mãi đến hôm nay, Đức Chúa Trời vẫn tỏ lòng nhậm nhục với tất cả mọi người. Ngài mong muốn hết thấy nhân loại đều nhận được sự cứu rỗi (1Ti 2:4). Vì vậy chúng ta hãy thúc giục mọi người tin nhận Đấng Christ khi còn cơ hội!

26 Phao-lô trình bày lại điều ông đã nói trong các câu 24-25. Đức Chúa Trời đã lập Đấng Christ làm giải pháp chuộc tội của chúng ta để **bày tỏ sự công bình Ngài** (qua việc hình phạt tội lỗi). Ngài làm vậy vì hai lý do. Thứ nhất, để **tỏ ra mình là công bình.** Thứ hai, để xưng công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus. Qua hai lý do này, một lần

nữa chúng ta thấy được sự công chính và tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Chúng ta không bao giờ được phần rẽ hai bản tính này của Đức Chúa Trời – sự công chính và tình yêu thương; vì chúng luôn đi với nhau.

27 **Bởi nguyên tắc nào, hay dựa trên điều gì mà Đức Chúa Trời xưng công chính cho con người cách vô điều kiện? Phải chăng Ngài dựa vào nguyên tắc tuân thủ luật pháp – nghĩa là dựa vào những việc lành của con người? Không!** - Phao-lô nói. Chẳng ai được xưng công chính bởi việc làm theo luật Do Thái (xem Ga 2:15-16 và lời bình giải). Do đó, chẳng có chỗ nào cho chúng ta **khoe mình.** Không ai có thể nói rằng: “Bởi những việc lành của mình, tôi đã chứng tỏ bản thân là công chính và nhờ đó tôi xứng đáng được cứu rỗi.” Đúng hơn, Phao-lô nói: Ấy là bởi nguyên tắc của đức tin mà con người được xưng công chính và được cứu (xem Êph 2:8-9 và lời bình giải).

28 Phao-lô kết luận những điều đã nói ở trên khi ông nói rằng một người được xưng công bình bởi đức tin, chớ không bởi việc làm theo luật pháp (Do Thái).

29-30 Vậy, vì con người được xưng công chính không phải bởi luật pháp Do Thái nên dân Ngoại Bang cũng có cơ hội tốt để được cứu như người Do Thái. Đức Chúa Trời là Chúa của cả người Do Thái lẫn người Ngoại Bang và Ngài yêu họ như nhau. Đức Chúa Trời sẽ xưng công chính cho **những kẻ đã chịu cắt bì** (người Do Thái) bởi đức tin và Ngài cũng làm vậy cho **những kẻ không chịu cắt bì** (dân Ngoại Bang) bởi đức tin. **Không có sự phân biệt chi hết** giữa người Do Thái và người Ngoại Bang (c.22).

31 Nếu đức tin là điều duy nhất cần thiết cho sự cứu rỗi, phải chăng Phao-lô muốn nói rằng luật Do Thái vô giá trị? Không hề. Phao-lô nói ông không **nhân đức tin mà bỏ luật pháp**, đúng hơn, ông củng cố luật pháp. Luật pháp cho biết: Phạm tội thì phải bị phạt. Đức tin nói: Đấng Christ đã chịu hình phạt ấy rồi. Vậy, đức tin không đi ngược lại luật pháp và cũng không **hủy bỏ luật pháp**; đúng hơn, đức tin củng cố luật

pháp. Đức tin (hay, có thể nói là Đấng Christ) đã làm trọn luật pháp. Vì khi luật pháp không thể cứu con người, đức tin trong Đấng Christ có thể làm điều đó (xem Mat 5:17 và lời bình giải). Đích thân Đấng Christ đã đến và mở ra cho chúng ta con đường cứu rỗi. Và bởi đức tin nơi Ngài, chúng ta có thể bước vào sự cứu rỗi ấy (xem Rô 8:3-4 và lời bình giải).

CHƯƠNG 4

Áp-ra-ham Được Xưng Công Chính Bởi Đức Tin (4:1-12)

1 **Áp-ra-ham** (còn được gọi là Áp-ram) là người Do Thái đầu tiên. Đức Chúa Trời đã kêu gọi Áp-ra-ham làm cha của một dân tộc mới (Sáng 12:1-5; 17:3-8). Nhờ đó, Áp-ra-ham nguyên là tổ phụ của toàn dân Do Thái (Mat 1:1-2).

Áp-ra-ham ra đời khoảng hai ngàn năm trước khi Đấng Christ đến thế gian. Ông sinh ra tại thành U-rơ, hiện là nước I-rắc hiện đại. Từ đây, ông cùng với cha mình đi đến Cha-ran, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay (Sáng 11:31).

Sau đó, vâng theo lời kêu gọi của Đức Chúa Trời (Sáng 12:1), Áp-ra-ham đi đến xứ Ca-na-an (là nơi về sau trở thành nước Y-sơ-ra-ên), nơi Đức Chúa Trời đã đặc biệt chuẩn bị cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông.

Nhưng có một nan đề lớn: Sa-ra (còn gọi là Sa-rai), vợ Áp-ra-ham, hiếm muộn. Đức Chúa Trời đã hứa với ông:

“Ta sẽ làm cho người nên một dân lớn” (Sáng 12:2). Nhưng lời hứa ấy thành hiện thực thế nào được khi Sa-ra không thể có con? Khi Đức Chúa Trời ban lời hứa ấy cho Áp-ra-ham, Sa-ra đã già và quá tuổi sinh đẻ từ lâu. Vì thế, ngay từ đầu Áp-ra-ham đã nghi ngờ lời Đức Chúa Trời (Sáng 15:2-3). Vậy, Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham: **“Người hãy ngó lên trời, và nếu người đếm được các ngôi sao thì hãy đếm đi ... Dòng dõi người cũng sẽ như vậy”** (Sáng 15:5).

Từ đó trở đi, Áp-ra-ham không nghi ngờ Đức Chúa Trời nhưng tin rằng Ngài nhất định sẽ thực hiện lời hứa ban cho ông và Sa-ra, vợ ông, một đứa con trai.

Khi Áp-ra-ham được một trăm tuổi và Sa-ra chín mươi tuổi, Sa-ra sinh hạ một bé trai. Áp-ra-ham đặt tên con là Y-sác (Sáng 21:1-5).

Trong câu 1, Phao-lô gọi Áp-ra-ham là **tổ phụ chúng ta**,¹⁹ vì Phao-lô, một người Do Thái, cũng là con cháu Áp-